

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022, phương hướng dự toán năm 2023

Kính gửi: Đại biểu HĐND huyện khóa XV, kỳ họp thứ 5.

Thực hiện Thông báo số 36/TB-HĐND ngày 28/10/2022 của Thường trực HĐND huyện về nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp thứ 5 HĐND huyện, khóa XV.

UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022, phương hướng dự toán năm 2023, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Biểu số 01)

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 HĐND huyện giao 248.073 triệu đồng, bằng dự toán tỉnh giao. Trong đó: Thu điều tiết ngân sách huyện hưởng 44.623 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 203.450 triệu đồng.

Thực hiện thu ngân sách nhà nước 10 tháng 310.470 triệu đồng, đạt 125,2% dự toán HĐND huyện giao. Ước thực hiện cả năm 380.739 triệu đồng, đạt 153,5% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách trên địa bàn

Thực hiện thu NSNN trên địa bàn huyện 10 tháng là 59.637 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 106.750 triệu đồng, đạt 170,9% dự toán HĐND huyện giao. Trong đó: số thu điều tiết ngân sách huyện hưởng theo phân cấp là 83.269 triệu đồng, đạt 186,6% dự toán HĐND huyện giao, tăng 41,5% so với thực hiện cùng kỳ. Cụ thể những khoản thu đạt được như sau:

- Thu từ khu vực DNNN Trung ương quản lý: Thực hiện 10 tháng 333 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 340 triệu đồng, đạt 113,3% dự toán HĐND huyện giao và bằng 24,9% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này chủ yếu là thu thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp nhà nước xây dựng vãng lai phát sinh trên địa bàn huyện.

- Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý: Thực hiện 10 tháng 436 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 450 triệu đồng, đạt 75% dự toán HĐND huyện giao, tăng 44,7% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này chủ yếu thu thuế từ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy và phát sinh từ hoạt động cấp hóa đơn lẻ của Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Thực hiện 10 tháng là 37.219 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 79.650 triệu đồng, đạt 172,4% dự toán HĐND huyện giao và tăng 29,2% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này đạt cao, chủ

yếu thu từ hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; hộ, cá nhân kinh doanh; thuế giá trị gia tăng của các công trình xây dựng cơ bản và thuế tài nguyên của các đơn vị khai thác cát, đá tận thu.

- Lệ phí trước bạ: Thực hiện 10 tháng là 3.675 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 4.514 triệu đồng, đạt 167,2% dự toán giao, tăng 66,8% so với thực hiện cùng kỳ. Chủ yếu thu từ Lệ phí trước bạ xe ô tô, xe máy và nhà đất. Khoản thu này đạt cao do thực hiện chính sách giảm 50% mức nộp lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước nên khuyến khích tổ chức, cá nhân mua xe để hưởng ưu đãi.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 10 tháng là 3.445 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 4.500 triệu đồng, đạt 319,1% dự toán giao, tăng 142,8% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này đạt cao do trong năm phát sinh nhiều hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Thu phí và lệ phí: Thực hiện 10 tháng là 613 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 910 triệu đồng, đạt 72,8% dự toán giao và bằng 96,8% so với thực hiện cùng kỳ, chủ yếu thu tiền phí bảo vệ môi trường của các đơn vị khai thác đá, cát trên địa bàn. Khoản thu này đạt thấp do số thu phí bảo vệ môi trường từ các điểm khai thác cát đạt thấp và không phát sinh hoạt động khai thác tận thu khoáng sản của các đơn vị XDDB vắng lại.

- Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 10 tháng là 397 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 500 triệu đồng, đạt 500% dự toán giao và tăng 45% so với thực hiện cùng kỳ. Số thu đạt cao do nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện phát sinh nhiều.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 10 tháng là 8.932 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 9.235 triệu đồng, đạt 1.378,4% dự toán giao. Khoản thu này tăng đột biến do phát sinh khoản Ghi thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng do Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn, Sông Hinh đã tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền thuê đất, thuê mặt bằng, số tiền 8.568 tỷ đồng (*hạch toán Ghi thu - ghi chi ngân sách huyện*).

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 10 tháng là 2.907 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 4.865 triệu đồng, đạt 64% dự toán giao và tăng 129,4% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này chưa đạt dự toán vì năm 2022 chưa phát sinh cấp quyền khai thác các điểm mỏ khai thác khoáng sản mới trên địa bàn nên không phát sinh số thu.

- Các khoản thu còn lại: Thực hiện 10 tháng 1.680 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 1.786/1.640 triệu đồng, đạt 108,9% dự toán giao và tăng 28,1% so với thực hiện cùng kỳ. Trong đó: Thuế sử dụng đất nông nghiệp ước thực hiện cả năm 150 triệu đồng; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện cả năm 36 triệu đồng; Thu khác ngân sách ước thực hiện cả năm 1.600 triệu đồng.

* **Số thu điều tiết ngân sách huyện hưởng theo phân cấp:** Kết quả thu 10 tháng 48.651 triệu đồng, đạt 109% dự toán. Ước thực hiện thu điều tiết ngân sách huyện hưởng theo phân cấp cả năm là 83.269 triệu đồng, đạt 186,6% dự

toán giao. Như vậy, ước thực hiện năm 2022 huyện tăng thu 29.726 triệu đồng (sau khi loại trừ khoản Ghi thu - Ghi chi Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền thuê đất của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh 8.568 triệu đồng và Thu tiền sử dụng đất 440 triệu đồng).

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện 10 tháng là 223.086 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 258.738 triệu đồng, đạt 127,2% dự toán. Trong đó: Thu bổ sung cân đối 193.824 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu 64.914 triệu đồng (bao gồm thu bổ sung mục tiêu phát sinh ngoài dự toán).

3. Tình hình xử lý và thu hồi nợ đọng thuế

Công tác thu hồi nợ đọng thuế được tích cực triển khai. Tổng số nợ đọng thuế trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2021 là 2.267 triệu đồng, phát sinh nợ năm 2022 là 452 triệu đồng. Đến nay đã thu được 517 triệu đồng, số nợ thuế còn lại 2.202 triệu đồng⁽¹⁾; ước thực hiện đến 31/12/2022, tổng số nợ thuế 1.787 triệu đồng (giảm 21% so với cùng kỳ); trong đó, nợ có khả năng thu là 1.690 triệu đồng, nợ khó thu là 97 triệu đồng. Qua rà soát tình trạng nợ thuế, huyện đã chỉ đạo Chi Cục thuế khu vực số 01 tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH (Biểu số 02)

Dự toán chi ngân sách năm 2022 được HĐND huyện giao 248.073 triệu đồng; Kết dư, chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 thực hiện theo quy định 38.732 triệu đồng; Kinh phí bổ sung ngoài dự toán 93.934 triệu đồng. Như vậy, nhiệm vụ chi ngân sách năm 2022 là 380.739 triệu đồng.

Thực hiện chi ngân sách địa phương 10 tháng 201.149 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 380.739 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi và tăng 32,1% so với thực hiện cùng kỳ. Tình hình thực hiện một số lĩnh vực chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển thực hiện 10 tháng 22.555 triệu đồng⁽²⁾. Ước thực hiện cả năm 30.340 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi, tăng 29,3% so với thực hiện cùng kỳ, chủ yếu là chi đầu tư các công trình giáo dục, văn hóa và trả nợ khối lượng hoàn thành các công trình.

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên thực hiện 10 tháng 175.712 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 263.846 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi và tăng 20,6% so với thực hiện cùng kỳ⁽³⁾.

⁽¹⁾ Do Công ty TNHH Trường Thịnh khai thác tài nguyên cát trên địa bàn xã Đăk Tô Re đã nợ thuế 1.388 triệu đồng; đã tổ chức triển khai nhiều biện pháp đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

⁽²⁾ Trong đó: Ghi chi Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền thuê đất của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh 8.568 triệu đồng; Giải ngân các nguồn vốn đầu tư khác 13.987 triệu đồng.

⁽³⁾ Chi SN Giáo dục - đào tạo thực hiện 10 tháng 100.005 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 133.739 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi SN môi trường thực hiện 10 tháng 2.871 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 4.160

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng dự toán chương trình mục tiêu quốc gia 50.532 triệu đồng. Thực hiện 10 tháng 32 triệu đồng. Do nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia mới được UBND tỉnh giao, các đơn vị hiện đang hoàn tất thủ tục để giải ngân vốn nên số thực hiện 10 tháng còn thấp.

Ước thực hiện cả năm 49.044 triệu đồng, đạt 97,1% nhiệm vụ chi. Nguyên nhân chưa giải ngân hết kế hoạch vốn giao do chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện của dự án 1 và dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Chi dự phòng ngân sách huyện

Tổng kinh phí dự phòng năm 2022 được HĐND huyện giao 4.769 triệu đồng. Thực hiện 10 tháng là 2.484 triệu đồng, đạt 52,1% dự toán. Trong đó: Dự phòng ngân sách cấp huyện giao đầu năm 4.088 triệu đồng, đến hết tháng 10 ngân sách cấp huyện đã chi các công tác an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, phòng chống Covid và hỗ trợ khác, với tổng kinh phí 2.075 triệu đồng, đạt 50,8% dự toán (*chi tiết tại Biểu số 03*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2022

Ngay từ đầu năm huyện đã tích cực triển khai các biện pháp thực hiện thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện thực hiện 10 tháng đạt 95,5% dự toán HĐND huyện giao (*trong đó: Thu điều tiết ngân sách huyện hưởng theo phân cấp đạt 109% dự toán HĐND giao*), ước thực hiện cả năm đạt 186,6% dự toán HĐND huyện giao.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên được triển khai theo đúng qui định, hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương và tỉnh, đảm bảo thực hiện chính sách tiền lương và các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội kịp thời, hiệu quả.

B. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

I. TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN:	265.521 triệu đồng
1. Thu NSNN trên địa bàn:	76.310 triệu đồng
- Trong đó: Điều tiết ngân sách huyện hưởng	57.612 triệu đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	207.909 triệu đồng

triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện 10 tháng 128 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 150 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi SN kinh tế thực hiện 10 tháng 7.603 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 11.081 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi SN văn hóa - thể thao thực hiện 10 tháng 571 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 800 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi SN truyền thanh - truyền hình thực hiện 10 tháng 1.408 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 1.801 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi đảm bảo xã hội thực hiện 10 tháng 6.270 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 7.938 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi quản lý hành chính thực hiện 10 tháng 50.922 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 97.379 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi Quốc phòng - An ninh thực hiện 10 tháng 5.054 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 5.482 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi; Chi khác ngân sách thực hiện phân bổ 10 tháng 704 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 1.129 triệu đồng, đạt 100% nhiệm vụ chi.

- Bổ sung cân đối:	196.412 triệu đồng
- Bổ sung mục tiêu:	11.497 triệu đồng
II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN:	265.521 triệu đồng
1. Chi đầu tư phát triển:	15.428 triệu đồng
2. Chi thường xuyên:	245.013 triệu đồng
3. Chi dự phòng:	5.080 triệu đồng

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022, Dự toán ngân sách năm 2023. UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa XV, kỳ họp thứ 5 xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, 02 PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Lương

BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Kon Rẫy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022		Thực hiện năm 2022		%SS UTH năm 2021 với		
			Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện giao	Thực hiện 10 tháng	UTH năm 2022	Cùng kỳ	DT tỉnh giao	DT huyện giao
A	B	1	2	3	4	5	6=5/1	7=5/2	8=5/3
A	Thu NSNN trên địa bàn tính cân đối	72.793	62.470	62.470	59.637	106.750	146,6%	170,9%	170,9%
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	72.793	62.470	62.470	59.637	106.750	146,6%	170,9%	170,9%
1	Thu từ khu vực DNNN trung ương quản lý	1.366	300	300	333	340	24,9%	113,3%	113,3%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.366	300	300	328	330	24,2%	110,0%	110,0%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1	-	-	2	5	920,8%	-	-
-	Thuế tài nguyên	-	-	-	3	5	-	-	-
-	Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	311	600	600	436	450	144,7%	75,0%	75,0%
-	Thuế giá trị gia tăng	21	120	120	29	30	144,9%	25,0%	25,0%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	256	430	430	394	400	156,2%	93,0%	93,0%
-	Thuế tài nguyên	34	50	50	13	20	58,3%	40,0%	40,0%
-	Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	61.657	46.200	46.200	37.219	79.650	129,2%	172,4%	172,4%
-	Thuế giá trị gia tăng	43.178	31.500	31.500	24.057	33.400	77,4%	106,0%	106,0%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	86	80	80	183	230	266,2%	287,5%	287,5%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	14	20	20	8	20	144,5%	100,0%	100,0%
-	Thuế tài nguyên	18.379	14.600	14.600	12.971	46.000	250,3%	315,1%	315,1%
5	Lệ phí trước bạ	2.706	2.700	2.700	3.675	4.514	166,8%	167,2%	167,2%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	147	150	-	-	-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	52	30	30	34	36	69,7%	120,0%	120,0%
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.853	1.410	1.410	3.445	4.500	242,8%	319,1%	319,1%
9	Thu phí và lệ phí	940	1.250	1.250	613	910	96,8%	72,8%	72,8%
10	Thu tiền sử dụng đất	345	100	100	397	500	145,0%	500,0%	500,0%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	670	670	8.932	9.235	9247,9%	1378,4%	1378,4%
12	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản	2.121	7.600	7.600	2.907	4.865	229,4%	64,0%	64,0%
13	Thu khác	1.342	1.610	1.610	1.498	1.600	119,2%	99,4%	99,4%
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH	289.416	248.073	248.073	310.470	380.739	131,6%	153,5%	153,5%
I	Các khoản thu cân đối ngân sách	257.085	248.073	248.073	271.738	342.007	133,0%	137,9%	137,9%
1	Thu trên địa bàn huyện hưởng	58.849	44.623	44.623	48.651	83.269	141,5%	186,6%	186,6%
2	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	198.236	203.450	203.450	223.086	258.738	130,5%	127,2%	127,2%
-	Thu bổ sung cân đối	162.303	193.824	193.824	161.434	193.824	119,4%	100,0%	100,0%
-	Thu bổ sung mục tiêu	35.933	9.626	9.626	61.652	64.914	180,7%	674,4%	674,4%
II	Thu kết dư	324	-	-	1.269	1.269	391,6%	-	-
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	32.006	-	-	37.463	37.463	117,0%	-	-

BẢNG SỐ CHỈ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 503/B-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Kon Rẫy)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Nhiệm vụ chi	Trong đó			Thực hiện năm 2022		%SS UTH năm 2022 với	
				Dự toán chi NSNN	Chuyển nguồn, Kết dư năm 2021	Bổ sung trong năm	Thực hiện 10 tháng	UTH năm 2022	Cùng kỳ	Nhiệm vụ chi
A	B	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=8/2	10=8/3
*	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	288.146	380.739	248.073	38.732	93.934	201.149	380.739	132,1%	100,0%
I	Chi đầu tư phát triển	23.457	30.340	14.931	6.841	8.568	22.555	30.340	129,3%	100,0%
1	Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	6.364	6.899	6.588	311	-	4.603	6.899	108,4%	100,0%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	156	325	88	237	-	-	325	208,2%	100,0%
3	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	3.067	3.080	3.080	-	-	2.724	3.080	100,4%	100,0%
4	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	-	2.500	2.500	-	-	2.500	2.500	-	100,0%
5	Nguồn thu xổ số kiến thiết	1.020	1.020	1.020	-	-	979	1.020	100,0%	100,0%
6	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán TW giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	778	1.233	1.000	233	-	-	1.233	158,4%	100,0%
7	Nguồn thu sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	-	655	655	-	-	-	655	-	100,0%
8	Nguồn vốn đầu tư khác	12.071	14.629	-	6.061	8.568	11.750	14.629	121,2%	100,0%
II	Chi thường xuyên	218.815	263.846	228.373	30.718	4.756	175.712	263.846	120,6%	100,0%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	120.867	133.739	132.479	1.196	64	100.005	133.739	110,6%	100,0%
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.171	4.160	4.160	-	-	2.871	4.160	131,2%	100,0%
3	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	135	150	150	-	-	128	150	111,1%	100,0%
4	Chi thường xuyên khác	94.641	125.797	91.583	29.522	4.692	72.708	125.797	132,9%	100,0%
4.1	Chi sự nghiệp kinh tế	13.975	11.081	8.710	298	2.073	7.603	11.081	79,3%	100,0%
4.2	Chi sự nghiệp văn hoá - thể thao	888	800	800	-	-	571	800	90,1%	100,0%
4.3	Chi SN truyền thanh - truyền hình	2.108	1.801	1.801	-	-	1.408	1.801	85,4%	100,0%
4.4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	216	187	187	-	-	176	187	86,6%	100,0%
4.5	Chi Đảm bảo xã hội	5.569	7.938	6.890	8	1.040	6.270	7.938	142,5%	100,0%
4.6	Chi quản lý hành chính	57.623	97.379	66.585	29.216	1.578	50.922	97.379	169,0%	100,0%
4.7	Chi Quốc phòng - An ninh	7.212	5.482	5.482	-	-	5.054	5.482	76,0%	100,0%
4.8	Chi khác ngân sách	7.050	1.129	1.129	-	-	704	1.129	16,0%	100,0%
III	Chương trình MTQG	317	50.532	-	-	50.532	32	49.044	15494,1%	97,1%
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	317	17.700	-	-	17.700	32	17.700	5591,8%	100,0%
	- Vốn đầu tư	-	15.950	-	-	15.950	-	15.950	-	100,0%
	- Vốn sự nghiệp	317	1.750	-	-	1.750	32	1.750	552,9%	100,0%
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	-	3.356	-	-	3.356	-	3.356	-	100,0%
	- Vốn đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Vốn sự nghiệp	-	3.356	-	-	3.356	-	3.356	-	100,0%
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	-	29.476	-	-	29.476	-	27.988	-	95,0%
	- Vốn đầu tư	-	19.700	-	-	19.700	-	18.212	-	92,4%
	- Vốn sự nghiệp	-	9.776	-	-	9.776	-	9.776	-	100,0%
IV	Dự phòng	-	4.769	4.769	-	-	2.484	4.769	-	100,0%
1	Dự phòng ngân sách huyện	-	4.088	4.088	-	-	2.075	4.088	-	100,0%
2	Dự phòng ngân sách xã	-	681	681	-	-	409	681	-	100,0%
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau	37.463	30.078	-	-	30.078	-	31.566	84,3%	104,9%
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên	8.096	1.173	-	1.173	-	367	1.173	14,5%	100,0%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2022 (ĐẾN THÁNG 10 NĂM 2022)

Kèm theo Báo cáo số 507/BC-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Kon Rẫy

ĐVT: Đồng

STT	Số QĐ	Ngày tháng	Nội dung	Dự toán	KP đã phân bổ	KP còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=5-6	8
I	Tổng nguồn			4.088.000.000	2.075.072.000	2.012.928.000	
1	612/QĐ-UBND	22/12/2021	Dự phòng ngân sách huyện	4.088.000.000			
II	Tổng kinh phí phân bổ				2.075.072.000		
1	34/QĐ-UBND	24/01/2022	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đón Tết Nguyên đán		308.500.000		UB MITQ Việt Nam
2	108/QĐ-UBND	18/3/2022	Hỗ trợ giống cây trồng và vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2021		7.000.000		UBND các xã, thị trấn
3	418/QĐ-UBND	9/5/2022	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thao trung đội dân quân cơ động năm 2022		59.000.000		BCH Quân sự huyện
4	596/QĐ-UBND	06/6/2022	Hỗ trợ trồng rừng		784.900.000		UBND các xã, thị trấn
5	645/QĐ-UBND	28/6/2022	Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng TNXF và kinh phí trợ cấp mai táng phí cho đối tượng cựu chiến binh và Dân công hỏa tuyến		36.280.000		Phòng LĐ TB&XH huyện
6	646/QĐ-UBND	28/6/2022	Hỗ trợ lực lượng thực hiện nhiệm vụ Trạm liên ngành quản lý bảo vệ rừng huyện (tại thôn Kon Dơ Xinh, xã Đăk Tơ Re)		63.000.000		UBND xã Đăk Tơ Re
7	647/QĐ-UBND	28/6/2022	KP chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội xã hội theo NQ số 68/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021		69.080.000		Phòng LĐ TB&XH huyện
8	660/QĐ-UBND	30/6/2022	Kinh phí thực hiện phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò		268.200.000		Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp
9	703/QĐ-UBND	14/7/2022	Hỗ trợ KP cho Tổ công tác cộng đồng trên địa bàn các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 (đợt 2) năm 2021		397.512.000		UBND xã Đăk Ruồng: 73,28 trđ UBND xã Tân Lập: 47,914 trđ UBND xã Đăk Tơ Re: 44,987 trđ UBND xã Đăk K ôi: 50,732 trđ UBND xã Đăk Pnê: 39,458 trđ UBND xã Đăk Tơ Lung: 50,732 trđ UBND thị trấn Đăk RVe: 90,409 trđ
10	709/QĐ-UBND	15/7/2022	Hỗ trợ kinh phí tổ chức thẩm định các tiêu chí nông thôn mới và tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 tại xã Đăk Tơ Re		60.000.000		UBND xã Đăk Tơ Re
11	842/QĐ-UBND	09/8/2022	Thu hồi kinh phí Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đón Tết Nguyên đán còn dư (tại QĐ số 34/QĐ-UBND, ngày 24/1/2022 của UBND huyện)		(400.000)		UB MITQ Việt Nam
12	898/QĐ-UBND	25/8/2022	Kinh phí tặng quà cho các chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2022		22.000.000		BCH Quân sự huyện